TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-11-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thùy Linh;

Ông Hoàng Văn Trạch

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lưu Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/10/2023, các lời khai sau đó nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N được hai gia đình mai mối, tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng từ năm 2007 tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X (nay là T), huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 06/12/2007. Sau khi kết hôn, do quan điểm sống không hợp tính nhau nên giữa anh và chị thường xuyên cãi chửi nhau, chị Lưu Thị N không tu trí làm ăn, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, ngoài ra anh còn cho rằng chị Ncó quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên ngày 07/9/2023 anh đã yêu cầu chị N ra khỏi nhà. Từ đó anh và chị N sống ly thân, không quan tâm, hỏi thăm nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Nkhông còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị N. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/2015 hiện đang sống cùng anh Hoàng Văn T. Khi ly hôn anh Hoàng Văn T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh hiện nay làm công việc thịt lợn, tàu hàng và làm ruộng, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, vẫn đảm bảo nuôi 02 con chung. Do chị N cũng là mẹ nên anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình chung sống anh xác định vợ chồng không vay nợ ai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Lưu Thị N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tư yêu cầu chị Ncấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng do vậy đề nghị chị Lưu Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết; nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hoàng Văn T do anh Hoàng Văn T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2023 chị Lưu Thị N không nhất trí ly hôn, về con chung, chị cũng nhất trí việc anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn nhưng chị không nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có.

Tuy nhiên tại phiên tòa, chị Lưu Thị N nhất trí ly hôn, về con chung chị cũng nhất trí anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung và nhất trí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, do chị hiện nay công việc và chỗ ở không ổn định. Về tài sản chung, chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày cùng ý kiến với bị đơn: Anh Hoàng Văn T xin ly hôn, chị Lưu Thị N nhất trí; về con chung: Chị Lưu Thị N nhất trí để anh Hoàng Văn T nuôi cả 02 con chung, chị Lưu Thị N chưa có chỗ ở và công việc ổn định nên đề nghị xem xét việc cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản chung, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Đề nghị miễn toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lưu Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2023, các con chung của anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/2015 (trên 07 tuổi) đều có nguyện vọng sống cùng bố là Hoàng Văn T và các cháu vẫn được bố chăm sóc đầy đủ, đảm bảo.

Tại biên bản làm việc ngày 02/11/2023 với trưởng thôn K, xã T là nơi cư trú của anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N, trưởng thôn cho biết: Quá trình chung sống giữa anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N thì thôn không thấy mâu thuẫn gì. Anh T và chị Ncó 02 con chung, các con chung đang sống cùng anh T, anh T vẫn chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Tại thôn trung bình nhu cầu nuôi dưỡng sinh hoạt và đi học đối với 01 cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị N không thấy sống tại thôn nữa, thỉnh thoảng có thấy chị N về thăm nom các con, chị N và anh T làm tự do nên thôn không nắm được thu nhập của chị N và anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử nhưng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân. Anh Hoàng Văn T yêu cầu ly hôn với chị Lưu Thị N, tại phiên tòa chị Lưu Thị N chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn T, do anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án không thể tiến hành ra quyết định thuận tình ly hôn và tiến hành xét xử là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Lưu Thị N. Về con chung: Chị Lưu Thị N đồng ý để anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/2015, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu và để đảm bảo cho cuộc sống các cháu ổn định, không bị xáo trộn; căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Văn T yêu cầu chị Lưu Thị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, chị Lưu Thị N đề nghị cấp dưỡng theo quy định pháp luật; căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn anh Hoàng Văn T, căn cứ vào các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bị đơn chị Lưu Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không yêu cầu xem xét giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn anh Hoàng Văn T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lưu Thị N được miễn án phí cấp dưỡng do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn anh Hoàng Văn T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Lưu Thị N, cư trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã T), huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận số 09, quyển số 02, ngày 06/12/2007, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Anh Hoàng Văn T xin ly hôn chị Lưu Thị N cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Văn T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N có 02 con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/2015. Hiện nay các con chung đều đang sống với anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Lưu Thị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng/con, chị Lưu Thị N cũng nhất trí và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Xét thấy các con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/2015 (đều đủ 07 tuổi) đều có nguyện vọng sống với anh Hoàng Văn T, các cháu đều được anh Hoàng Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện từ khi chị Lưu Thị N bỏ đi. Do vậy Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng, nguyên đơn và bị đơn đều làm tự do, không có thu nhập ổn định, theo biên bản xác minh với trưởng thôn các cháu đang sinh sống thì trung bình nhu cầu nuôi dưỡng sinh hoạt và đi học đối với 01 cháu là 2.000.000 đồng/tháng, do vậy việc nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng/con là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 10/11/2023. Chị Lưu Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn phần nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Hoàng Văn T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lưu Thị N được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con do anh Hoàng Văn T và chị Lưu Thị N là người dân tộc thiểu số (đều là người dân tộc Tày), sống tại xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí. Do vậy miễn án phí cho anh Hoàng Văn T và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lưu Thị N theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Lưu Thị N. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 02, đăng ký ngày 06/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã T), huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/2015 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/con cho đến khi đủ 18 tuổi, thời điểm thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày 10/11/2023.

Chị Lưu Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lưu Thị N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lưu Thị N được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai